

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2017/HNGĐ – ST
Ngày 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Khắc Tân

Ông Nguyễn Văn Nhật

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 475/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1977; đăng ký thường trú và hiện ở: Số 36/228 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn P, sinh năm 1970; đăng ký thường trú: Số 36/228 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa và qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình đều thể hiện các nội dung thống nhất như sau:

Chị Đào Thị H và anh Trịnh Văn P tự nguyện chung sống từ năm 1993 nhưng đến ngày 24/02/2006 mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng.

Anh chị chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn nhưng từ năm 2012 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, tính tình không phù hợp. Anh P có quan hệ với người phụ nữ khác. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, xung đột. Gia đình hai bên đã

khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H và anh P đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau mỗi người một nơi từ năm 2013, anh P đã có cuộc sống riêng của mình. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh P. Anh P đồng ý ly hôn nhưng do công việc bận nên không đến Tòa để giải quyết. Anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là Trịnh Thị Mai A sinh năm 1994 và Trịnh Cao L sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại nên yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; các con chung đều đã trưởng thành nên không đề nghị; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề nghị. Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử, anh Trịnh Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh P đều vắng mặt và đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Văn P.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Trịnh Văn P. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác. Yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án về Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo xác nhận của chính quyền địa phương phường T, quận L, Hải Phòng thì ông Trịnh Văn P thường trú tại quận L, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đào Thị H và anh Trịnh Văn P tự nguyện chung sống từ năm 1993 và đến năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị H và anh Trịnh Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp (Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014).

Trong quá trình chung sống, chị Đào Thị H và anh Trịnh Văn P có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh P, chị H không còn chung sống cùng nhau từ năm 2013 đến nay và không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Hội đồng xét xử xác định: Cuộc sống chung giữa chị H và anh P không còn tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có yêu cầu ly hôn anh P là có căn cứ nên cần chấp nhận

[5] Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là Trịnh Thị Mai A sinh năm 1994 và Trịnh Cao L sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Chị Đào Thị H ly hôn anh Trịnh Văn P.

Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là Trịnh Thị Mai A sinh năm 1994 và Trịnh Cao L sinh năm 1997. Các con chung đều đã trưởng thành, không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0004633 ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND xã T, huyện Th, Hải Phòng (ĐKKH năm 2006);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOà**

Phạm Thị Thanh Bình

